

**THÔNG BÁO GIÁ**  
**Giống cây ăn trái năm 2026**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau thông báo giá cung ứng giống cây ăn trái như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Quy cách		Đơn giá (đồng)
			Chiều cao (cm)	Cỡ bầu (cm)	
1	Bơ sáp 034	Cây	50 – 70	18 x 25	45.000
2	Bưởi da xanh	Cây	60 – 80	18 x 25	45.000
3	Bòn bon	Cây	30 – 50	20 x 25	100.000
4	Cà na Thái	Cây	70 – 80	15 x 20	30.000
5	Cam				
	Cam sành, Cam xoàn	Cây	50 – 70	15 x 20	40.000
6	Chanh				
a	Chanh không hạt, chanh tứ quý (nhỏ)	Cây	50 – 70	18 x 25	25.000
b	Chanh tứ quý (lớn), Chanh chúc		50 – 80	20 x 25	50.000
7	Chery				
a	Chery (nhỏ)	Cây	20 – 30	18 x 25	65.000
b	Chery (lớn)		30 – 50	18 x 25	90.000
8	Chôm chôm Thái	Cây	20 – 30	15 x 20	80.000
9	Cóc Thái	Cây	40 – 60	18 x 25	45.000
10	Dâu				
	Dâu hạ châu, Dâu xanh	Cây	50 – 70	15 x 20	40.000
11	Dừa				
	Dừa mã lai, Dừa ta, Dừa xiêm dâ, Dừa xiêm đỏ, Dừa xiêm lùn, Dừa thái, Dừa dứa	Cây	30 – 70	20 x 25	60.000
12	Đu đủ				
	Đu đủ xanh, Đu đủ vàng	Cây	10 – 20	10 x 15	10.000
13	Khế				
	Khế chua, Khế ngọt	Cây	40 – 60	18 x 25	50.000
14	Lêkima	Cây	30 – 50	15 x 20	95.000
15	Lựu				
a	Lựu đỏ	Cây	30 – 50	15 x 20	45.000
b	Lựu Ấn Độ		30 – 50	15 x 20	80.000
16	Mãng cầu				



a	Mãng cầu gai thể hệ mới (bầu nhỏ)	Cây	50 – 70	18 x 25	35.000
b	Mãng cầu hoàng hậu (na Thái)		20 – 30	15 x 20	50.000
17	<b>Mãng cụt</b>	Cây	30 – 50	18 x 25	95.000
18	<b>Mận</b>				
	Mận hồng, Mận tam hoa, Mận xanh	Cây	30 – 50	18 x 25	80.000
19	<b>Me</b>				
a	Me chua	Cây	20 – 30	15 x 20	15.000
b	Me ngọt (Thái)		50 – 70	15 x 20	40.000
20	<b>Mít</b>				
a	Mít nghệ, Mít Thái, Mít ruột đỏ, Mít tổ nữ, Mít mã lai	Cây	50 – 70	18 x 25	70.000
b	Mít tổ nữ sâu riêng		50 – 70	18 x 25	150.000
21	<b>Nhãn</b>				
a	Nhãn thái	Cây	60 – 80	18 x 25	50.000
b	Nhãn tiêu		60 – 80	18 x 25	40.000
c	Nhãn xuống		60 – 80	18 x 25	55.000
d	Thanh nhãn		60 – 80	18 x 25	70.000
e	Nhãn tím		60 – 80	18 x 25	70.000
22	<b>Nho móng tay</b>	Cây	20 – 30	15 x 20	70.000
23	<b>Ôi</b>				
a	Ôi lê (bầu nhỏ), Ôi nữ hoàng (bầu nhỏ)	Cây	40 – 60	18 x 25	30.000
b	Ôi không hạt (bầu nhỏ)		40 – 60	18 x 25	35.000
c	Ôi không hạt (bầu lớn), Ôi lê (bầu lớn), Ôi nữ hoàng (bầu lớn), Ôi Ruby		50 – 70	15 x 20	50.000
24	<b>Quýt đường</b>	Cây	50 – 70	18 x 25	40.000
25	<b>Sa kê</b>	Cây	70 – 100	20 x 25	65.000
26	<b>Sapoche</b>				
a	Sapo lông mứt	Cây	50 – 70	20 x 25	70.000
b	Sapo Mehico		70 – 100	20 x 25	100.000
c	Sapo Cần Thơ		50 – 70	20 x 25	115.000
27	<b>Sầu riêng</b>				
	Sầu riêng Ri6, Sầu riêng Thái (bầu lớn)	Cây	50 – 70	20 x 25	135.000
28	<b>Sơ ri</b>	Cây	70 – 100	18 x 25	35.000
29	<b>Táo Thái</b>	Cây	50 – 70	15 x 20	50.000
30	<b>Tắc</b>				
a	Tắc (bầu nhỏ)	Cây	50 – 60	18 x 25	20.000
b	Tắc (bầu lớn)		50 – 70	20 x 25	45.000
31	<b>Thiên lý</b>	Cây	20 – 30	18 x 25	30.000
32	<b>Tiêu</b>	Cây	30 – 40	18 x 25	45.000
33	<b>Trà xanh</b>	Cây	20 – 30	15 x 20	25.000

<b>34</b>	<b>Tre điền trúc</b>	Cây	80 – 100	15 x 20	50.000
<b>35</b>	<b>Vối</b>	Cây	80 – 110	15 x 20	35.000
<b>36</b>	<b>Vú sữa</b>				
a	Vú sữa lò rèn (bầu nhỏ)	Cây	40 – 50	18 x 25	50.000
b	Vú sữa lò rèn (bầu lớn)		40 – 70	20 x 25	80.000
c	Vú sữa bắc thảo (bầu nhỏ)		50 – 70	20 x 25	40.000
d	Vú sữa Mica		40 – 50	18 x 25	55.000
e	Vú sữa Hoàng Kim		60 – 80	18 x 25	60.000
<b>37</b>	<b>Xoài</b>				
	Xoài cát Hoà Lộc, Xoài Đài Loan, Xoài keo, Xoài Thái, Xoài tứ quý, Xoài Úc	Cây	80 – 100	18 x 25	60.000

Thông báo giá này có giá trị từ ngày ký cho đến khi có thông báo giá mới. Quý khách có nhu cầu về các loại cây kiểng, giống cây không có trong danh mục này, xin liên hệ bộ phận bán hàng để đặt hàng, đơn vị sẽ cung ứng kịp thời đến quý khách.

Quý khách vui lòng liên hệ: **Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau**

**Địa chỉ:**

**1. Trụ sở 1:** Số 155, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 15, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

**2. Trại sản xuất và kinh doanh giống Vật nuôi – Thủy sản**

Địa chỉ: ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau.

**SĐT: (0290) 3 888 588 – 3 888 688.**

**Di động: 0914 015 030 (Giang); 0988 047 749 (Nhấn)/.**

**Nơi nhận:**

- Trường phòng, trại (t/h);
- Khách hàng;
- Lưu: VT, T.SXKDG-N-L(HLD)

**GIÁM ĐỐC**



**Tiết Tiên Dũng**

